Một số vấn đề về dân tộc thiểu số ở Trung Quốc

TS. NGUYỄN VĂN CĂN
Viện Nghiên cứu Trung Quốc
TS. ĐẶNG THÀNH ĐẠT
Học viện Dân tộc quốc tế

Trung Quốc là một quốc gia có 55 dân tộc cùng chung sống, trong đó dân tộc Hán là dân tộc đa số, còn các dân tộc khác được gọi là dân tộc thiểu số. Hiện nay Trung Quốc vẫn xác định đường lối xây dựng đất nước là đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Chính sách dân tộc của Trung Quốc vẫn dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời kết hợp chặt chẽ với tình hình thực tế của đất nước mình. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, Trung Quốc đã tìm ra một số giải pháp hữu hiệu để giải quyết vấn đề dân tộc và phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc với nguyên tắc cơ bản "bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau". Từ khi thực hiện chính sách cải cách mở cửa đến nay, để thực hiện nguyên tắc cơ bản và căn cứ vào tình hình thực tế, Trung Quốc đã đưa ra một số chính sách cụ thể để phát triển kinh tế văn hoá xã hội vùng dân tộc thiểu số. Sau đây, chúng tôi sẽ tìm hiểu một số đặc điểm về dân tộc thiểu số và chế độ quản lý hành chính ở vùng dân tộc thiểu số của Trung Quốc.

1. Quy mô dân số không đồng đều

Theo điều tra dân số năm 2000, Trung Quốc có 1.137.386.112 người Hán và 104.490.735 người thuộc các dân tộc thiểu số, như vậy dân tộc thiểu số chiếm khoảng 8,41% (không kể Đài Loan, Hồng Kông và Ma Cao). Trong các nhóm dân tộc thiểu số thì người Choang là đông nhất, có tới 16.178.811 người, còn ít nhất là người Lạc Ba, chỉ có 2.965 người. Cũng theo số liệu của cuộc điều tra dân số trên, hai dân tộc Choang và Mãn có dân số trên 10.000.000 người; 16 dân tộc thiểu số, mỗi dân tộc có số dân trên 1.000.000 người, đó là các dân tộc: Hồi, Duy Ngô Nhĩ, Ca-dắc, Thái, Di, Miêu, Tạng, Mông Cổ, Thổ Gia, Bố Y, Triều Tiên, Đồng, Dao, Bạch, Hà Nhì, Lê. Tổng dân số của 18 dân tộc này chiếm hơn 90% dân số các dân tộc thiểu số toàn quốc [1].

Có 17 dân tộc có dân số dưới 1.000.000 người là các dân tộc: Lật Túc, Ngoã, Sơ, Lạp Hổ, Thủy, Đông Hương, Na-xi, Cảnh Pha, Khơ-ơ-khơ-chư, Thổ, Ta-ua, Mu-lạo, Khương, Cư-lao, Mao-nan, Tát Lạp, Tích Bá.

Có 1 dân tộc có dân số trên 50.000 người: Bố Lăng.

Có 12 dân tộc có dân số từ 10.000 - 50.000 người: A-Xương, Phổ Mễ, Ta-gích, Nộ, U-dơ-bếch, Nga, Ngạc On Khắc, Đức Ngang, Bảo An, Dự Cố, Kinh, Cơ Nặc.

Dân số của 7 dân tộc dưới 10.000 người, đó là các dân tộc: Cao Sơn (không kể người Cao Sơn ở Đài Loan), Tác-ta, Độc Long, Ngạc Luân Xuân, Hách Triết, Môn-ba, Lạc Ba.

Ngoài ra, còn có 734.438 người vẫn chưa xác định được thành phần dân tộc, 941 người nước ngoài gia nhập quốc tịch Trung Quốc [2].

2. Cư trú phổ biến theo hình thái xen kẽ với nhau

Dân cư Trung Quốc phân bố không đều, phần lớn các dân tộc sống thành những nhóm hỗn hợp, dân tộc thiểu số cư trú xen kẽ với nhau và xen kẽ với dân tộc Hán. Với sự phát triển và giao lưu kinh tế - văn hóa trong nước, hình thái cư trú xen kẽ giữa các dân tộc có xu hướng ngày càng gia tăng. Tuy nhiên nhìn tổng thể, người Hán cư trú tập trung tại vùng đồng bằng và thung lũng, các dân tộc thiểu số chủ yếu cư trú tại vùng cao, miền núi và vùng xa xôi hẻo lánh, điều kiện đi lại khó khăn, khí hậu khắc nghiệt. Các dân tộc thiểu số có số lượng dân cư không lớn nhưng sinh sống trên phần lãnh thổ chiếm tới gần 60% diện tích đất nước. Các dân tộc thiểu số chủ yếu phân bố tại các tỉnh và khu tự trị: Nội Mông Cổ, Tây Tạng, Tân Cương, Quảng Tây, Ninh Hạ, Vân Nam, Quý Châu, Tứ Xuyên, Thanh Hải, Cam Túc, Hắc Long Giang, Cát Lâm, Liêu Ninh, Hồ Nam, Hồ Bắc, Phúc Kiến, Quảng Đông, Hải Nam. Phần lớn các tỉnh và khu tự trị này nằm trong vùng biên giới. Thí dụ Nội Mông Cổ có đường biên giới lục địa hơn 4200 km, Tây Tạng có đường biên giới lục địa gần 4000 km, Tân Cương có đường biên giới lục địa hơn 5700 km, Quảng Tây có đường biên giới lục địa 1020 km, Vân Nam có đường biên giới lục địa 3200 km... Mật độ dân cư của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có người Hán sinh sống cao hơn các tỉnh và khu tự trị có dân tộc thiểu số sinh sống. Thí dụ, tỉnh Chiết Giang với diện tích 101.800 km^2 có dân số hơn 46.770.000 người (năm 2000), mật độ dân cư là 459 người/km^2, cao hơn Khu tự trị Tây Tạng (1,73 người/km^2), Thanh Hải (7,2 người/km^2), Tân Cương (11 người/km^2)[3].

Nhiều dân tộc thiểu số định cư trên núi cao, ở các vùng thảo nguyên và núi rừng, mà phần lớn phân bố ở các vùng biên giới. Dân số dân tộc thiểu số của các tỉnh và khu tự trị thuộc vùng biên giới chiếm 50% dân số của các dân tộc thiểu số cả nước. Các vùng sinh sống của các dân tộc thiểu số có nguồn tài nguyên thiên nhiên rất phong phú, có vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng.

Miền Tây Nam là vùng đa dạng nhất về thành phần tộc người của Trung Quốc, thí dụ tỉnh Vân Nam có 25 dân tộc sinh sống lâu đời. Vùng này chủ yếu phân bố các dân tộc thuộc dòng ngôn ngữ Hán-Tạng và Nam Á như: Choang, Thái, Miêu, Dao, Di, Tạng, Môn-ba, Cảnh Phả, Khương, Hà Nhì, Bạch, Ngoã, Đức Ngang, Bố Lăng... Miền Tây Bắc chủ yếu phân bố các dân tộc thuộc dòng ngôn ngữ Tuyếc, Mông Cổ và Ấn - Âu như: Duy Ngô Nhĩ, Tát Lạp, U-dơ-bếch, Ca-dắc, Tác-ta, Dự-cố, Khơ-ơ-khơ-chư, Mông Cổ, Đông Hương, Ta-ua, Bảo An, Nga, Ta-gích... Miền Đông Bắc chủ yếu phân bố các dân tộc thuộc dòng ngôn ngữ Mãn Châu -Tunguxca: Mãn, Tích Bá, Hách Triết, Ngạc Luân Xuân, Ngạc On Khắc, Triều Tiên... Miền Đông Nam chủ yếu phân bố các dân thuộc dòng ngôn ngữ Nam Đảo như: Cao Sơn, Sơ... [4]

3. Trình độ phát triển kinh tế - xã hội không đồng đều

Do nhiều nguyên nhân khác nhau, hiện nay tại Trung Quốc trình độ phát triển kinh tế - xã hội không đồng đều giữa các dân tộc. Trong những nguyên nhân đó có nguyên nhân do lịch sử để lại, cũng có nguyên nhân do điều kiện tự nhiên khắc nghiệt ở địa bàn cư trú của một số dân tộc, từng vùng dân tộc có những tính đặc thù riêng. Nhiều dân tộc thiểu số cư trú tại vùng biên giới, thảo nguyên, sa mạc, vùng cao và vùng núi, đi lại khó khăn, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, sản xuất và sinh hoạt gặp nhiều khó khăn, dẫn đến sự thấp kém về trình độ phát triển kinh tế - xã hội. Cũng có thể tìm thấy sự khác biệt rất lớn ở ngay các dân tộc thiểu số ví dụ như có dân tộc đã đạt đến trình độ cao về phát triển kinh tế - xã hội, nhưng cũng còn một số dân tộc vẫn còn ở trình độ phát triển rất thấp. Điển hình về dân tộc thiểu số mà lại có trình độ phát triển cao như người Kinh có số dân tương đối ít, chủ yếu cư trú tại thành phố Đông Hưng, Quảng Tây. Thông qua đi biển và buôn bán, thu nhập của người Kinh khá cao, trình độ phát triển kinh tế - xã hội cũng tương đối cao. Nhưng cũng tại vùng Tây Bắc Quảng Tây, một số người Dao cư trú tại vùng xa xôi hẻo lánh, đi lại khó khăn, thu nhập và trình độ phát triển kinh tế - xã hội còn rất thấp. Hiện nay để thực hiện bình đẳng dân tộc, việc khắc phục sự phát triển không đồng đều về kinh tế - xã hội giữa các dân tộc cũng là một nội dung quan trọng của chính sách dân tộc Trung Quốc.

4. Văn hóa phong phú và đa dạng

Dân tộc luôn gắn liền với văn hóa. Văn hóa phong phú thể hiện ở đặc trưng đặc sắc dân tộc và trong chừng mực còn thể hiện sự phát triển của dân tộc. Văn hóa được thể hiện trong khoa học kỹ thuật, ngôn ngữ, văn học, âm nhạc, ca múa, điêu khắc, hội họa, y học cổ truyền... Các dân tộc Trung Quốc thuộc 5 ngữ hệ nên văn hóa các dân tộc thiểu số rất phong phú và đa dạng. Trong kho tàng văn hoá dân tộc có những tác phẩm văn học nổi tiếng như sử thi của các dân tộc Mông Cổ, Di, Tạng, Duy Ngô Nhĩ,

Dao... Âm nhạc và ca múa dân tộc thiểu số rất đa dạng, các tác phẩm hội họa, điêu khắc và kiến trúc của các dân tộc thiểu số cũng có trình độ nghệ thuật tương đối cao. Ngoài ra, các nhóm địa phương của một số dân tộc cũng có những văn hóa riêng biệt. Như nhóm người Choang áo đen ở vùng Tây Bắc Quảng Tây có trang phục, văn hóa dân gian khác với người Choang của các nhóm địa phương khác. Nhìn chung, văn hóa các dân tộc thiểu số là một phần quan trọng của văn hóa Trung Hoa, làm cho văn hóa Trung Hoa trở nên phong phú đa dạng. Trong quá trình phát triển kinh tế xã hội hiện nay của các dân tộc thiểu số, khoa học kỹ thuật và văn hóa hiện đại đang xâm nhập vùng dân tộc thiểu số, tiếng phổ thông dần dần được phổ cập, văn hóa của một số dân tộc cũng như ngôn ngữ chữ viết, trang phục truyền thống dân tộc đang có nguy cơ vắng bóng trong đời sống hàng ngày. Vì vậy, việc bảo tồn và phát huy tính đa dạng của văn hóa các dân tộc là rất cần thiết, Chính phủ Trung Quốc cũng đã có một số chương trình, dự án nhằm bảo tồn văn hóa dân tộc.

DANH SÁCH VÀ ĐỊA BÀN PHÂN BỐ 22 DÂN TỘC CÓ DÂN SỐ TƯƠNG ĐỐI ÍT [5]

1	Mao-nan	Quảng Tây	107.166
2	Tát Lạp	Thanh Hải	104.503
3	Bố Lăng	Vân Nam	91.882
4	Ta-gích	Tân Cương	41.028
5	A-Xương	Vân Nam	33.936
6	Phổ Mễ	Vân Nam	33.600
7	Ngạc On Khắc	Nội Mông Cổ	30.505
8	Nộ	Vân Nam	28.759
9	Kinh	Quảng Tây	22.517
10	Cơ Nặc	Vân Nam	20.899
11	Đức Ngang	Vân Nam	17.935
12	Bảo An	Cam Túc	16.505
13	Nga	Tân Cương, Hắc Long Giang	15.609
14	Dự-cố	Cam Túc	13.719
15	U-dơ-bếch	Tân Cương	12.370
16	Mơn-ba	Tây Tạng	8.923
17	Ngạc Luân Xuân	Hắc Long Giang, Nội Mông Cổ	8.196
18	Độc Long	Vân Nam	7.426
19	Tác-ta	Tân Cương	4.890
20	Hách Triết	Hắc Long Giang	4.640
21	Cao Sơn	Đài Loan, Phúc Kiến	4.461
22	Lạc Ba	Tây Tạng	2.965

5. Dân tộc thiểu số có số dân tương đối ít chiếm tỷ lệ lớn

Trong 54 dân tộc thiểu số của Trung Quốc, theo số liệu điều tra dân số năm 2000, những dân tộc có số dân dưới 100.000 người được gọi chung là các dân tộc có dân số tương đối ít. Các dân tộc có dân số tương đối ít gồm 22 dân tộc cư trú tại 10 tỉnh và khu tự trị với tổng dân số là 630.000 người. Đây là các dân tộc tụ cư chủ yếu ở 86 huyện, 238 thị trấn, 640 làng bản thuộc 10 tỉnh, khu tự trị, miền núi và vùng biên giới xa xôi. Chính vì vậy các dân tộc này trình độ phát triển kinh tế xã hội còn thấp kém, tập trung nhiều các hộ đói nghèo, điều kiện sản xuất và sinh hoạt thấp.

Ngoài các đặc điểm trên, cộng đồng các dân tộc ở Trung Quốc còn có những đặc điểm khác như các dân tộc đã hình thành quan hệ mật thiết và gần gũi trong quá trình lịch sử lâu dài. Nhiều địa phương, mối quan hệ tộc người còn quan trọng hơn quan hệ địa lý và lãnh thổ. Cũng có những nơi quan hệ họ tộc rất chặt chẽ nhưng cũng có nơi lại bị các quan hệ khác chi phối. Đây là những yếu tố đã được Trung Quốc xét đến khi thực hiện chế độ quản lý hành chính ở vùng dân tộc thiểu số của Trung Quốc theo *Chế độ vùng dân tộc tự trị*.

6. Chế độ quản lý hành chính ở vùng dân tộc thiểu số của Trung Quốc

Ngay từ *Cương lĩnh chung* do *Hội nghị hiệp thương nhân dân Trung Quốc* thông qua năm 1949 và sau đó là Hiến pháp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (năm 1954), Trung Quốc đã đề ra những quy định cụ thể về chế độ tự trị khu vực dân tộc và quyền sử dụng ngôn ngữ, chữ viết của các dân tộc. Chế độ tự trị khu vực dân tộc đã trở thành một chế độ chính trị cơ bản và dần dần được thực hiện có hiệu quả tại vùng dân tộc thiểu số trên toàn Trung Quốc.

Về chính sách dân tộc, điều 4 Hiến pháp ghi rõ: "Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là một quốc gia thống nhất đa dân tộc. Các địa phương thực hiện chế độ tự trị khu vực dân tộc đều là một bộ phận không thể chia cắt của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Các dân tộc đều bình đẳng như nhau, cần chống lại tư tưởng dân tộc lớn và tư tưởng dân tộc hẹp hòi địa phương. Các dân tộc đều tự do để sử dụng ngôn ngữ chữ viết của dân tộc mình".

Về tự trị khu vực dân tộc, điều 24 Hiến pháp quy định: "Các khu tự trị, châu tự trị, huyện tự trị đều là địa phương tự trị dân tộc, cơ quan tự trị của họ là Hội đồng nhân dân và Uỷ ban cách mạng. Ngoài được hưởng quyền hạn của chính quyền địa phương do Tiết 3 Chương 2 của Hiến pháp quy định, cơ quan tự trị còn được hưởng quyền tự trị theo quy định của luật pháp. Các cơ quan nhà nước cấp trên cần đảm bảo quyền tự trị của cơ quan tự trị của các địa phương tự trị dân tộc, tích cực ủng hộ các dân tộc thiểu số tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội".

Trong thời kỳ mười năm Đại cách mạng Văn hóa, chế độ tự trị khu vực dân tộc bị coi nhẹ, một số địa phương tự trị như các châu tự trị và huyện tự trị bị xóa bỏ. Một số nội dung của chính sách dân tộc như "Các dân tộc đều có tự do để duy trì hoặc cải cách phong tục tập quán

của dân tộc mình" đã bị xóa bỏ. Phải đến Hiến pháp năm 1978, sau khi Cách mạng Văn hóa kết thúc, những sai lầm của Cách mạng Văn hóa đã được sửa chữa thì những nội dung chủ yếu về dân tộc và chính sách dân tộc mới được khôi phục như Hiến pháp 1954. Đồng thời lúc này, cũng xuất hiện những nội dung mới như "Công dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có nghĩa vụ duy trì thống nhất của nhà nước và đoàn kết giữa các dân tộc cả nước (Điều 56)", "Các cơ quan nhà nước cấp trên phải đảm bảo quyền tự trị của cơ quan tự trị của địa phương tự trị các dân tộc, cân nhắc đầy đủ đặc điểm và yêu cầu của các dân tộc thiểu số, đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ các dân tộc thiểu số, tích cực ủng hộ và giúp đỡ các dân tộc thiểu số tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế và văn hóa xã hội chủ nghĩa (Điều 40)" lần đầu tiên được đưa vào Hiến pháp trở thành nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Bước sang thời kỳ cải cách mở cửa, Quốc vụ viện cũng tiến hành sửa lại Hiến pháp theo tình hình và nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Trong phần *Lời nói đầu*, Hiến pháp lần đầu tiên xác định: "Quan hệ dân tộc xã hội chủ nghĩa là bình đẳng, đoàn kết, mối quan hệ giúp đỡ lẫn nhau đã được xác lập, cần tiếp tục được tăng cường". Về chính sách dân tộc chung, Hiến pháp (1982) nhấn mạnh: "Nhà nước căn cứ đặc điểm và yêu cầu của các dân tộc, giúp đỡ vùng dân tộc thiểu số đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế và văn hóa (Điều 4)". Nội dung này đã phản ánh việc phát triển kinh tế văn hóa của vùng dân tộc thiểu số bắt đầu được coi trọng. So với các bản Hiến pháp đã được ban hành trước, Hiến pháp vào thời kỳ cải cách mở cửa có những nội dung mới về cơ quan tự trị của địa phương tự trị dân tộc, những nội dung đó tỉ mỉ, cụ thể hơn trước. Cụ thể là:

"Chủ nhiệm hoặc phó chủ nhiệm Uỷ ban thường vụ Hội đồng nhân dân khu tự trị, châu tự trị, huyện tự trị nên do công dân của các dân tộc thực hiện tự trị khu vực đảm nhiệm (Điều 113). Chủ tịch khu tự trị, châu trưởng châu tự trị, huyện trưởng huyện tự trị do công dân của những dân tộc thực hiện khu vực tự trị đảm nhiệm (Điều 114). Nhà nước giúp đỡ các dân tộc thiểu số đẩy nhanh tốc độ phát triển sự nghiệp kinh tế và văn hóa về tài chính, vật tư và khoa học kỹ thuật. Nhà nước đào tạo hàng loạt cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn và công nhân kỹ thuật trong các dân tộc trên địa bàn (Điều 122)".

Về quyền tự trị của các địa phương tự trị dân tộc, Hiến pháp có những nội dung mới cụ thể: "Cơ quan tự trị địa phương có quyền tự trị để quản lý tài chính trên địa bàn. Theo quy định tài chính của nhà nước, những nguồn thu tài chính thuộc địa phương tự trị dân tộc do cơ quan tự trị địa phương tự chủ sắp xếp sử dụng (Điều 117). Dưới sự chỉ đạo của kế hoạch nhà nước, cơ quan tự trị dân tộc địa phương tiến hành tự chủ sắp xếp và quản lý sự nghiệp kinh tế mang tính địa phương. Khi nhà nước tổ chức khai thác tài nguyên thiên nhiên, thành lập xí nghiệp tại địa phương tự trị dân tộc, nhà nước nên cân nhắc lợi ích của địa phương tự trị dân tộc (Điều 118)".

"Cơ quan tự trị dân tộc địa phương có thể tự chủ quản lý sự nghiệp giáo dục, khoa học, văn hóa, y tế, thể dục thể thao trên địa bàn, bảo tồn và tu sửa di sản văn hóa dân tộc, phát triển và phồn vinh văn hóa dân tộc (Điều 119)". "Theo chế độ quân sự và yêu cầu thực tế trên địa bàn, sau khi báo cáo Chính phủ phê chuẩn, cơ quan lực lượng tự trị dân tộc địa phương có thể tổ chức bộ đội công an để duy trì an ninh trật tự xã hội trên địa bàn (Điều 120)" .

Hiện nay, Hiến pháp đã có nội dung cụ thể về dân tộc và chính sách dân tộc, có 1 khoản, 11 điều liên quan đến cơ quan tự trị dân tộc địa phương. Đây chứng tỏ chế độ tự trị khu vực dân tộc là một chế độ chính trị quan trọng của Trung Quốc. Để thực hiện tốt *Luật tự trị khu vực dân tộc*, 12 tỉnh đã đề ra quy định về thực hiện *Luật tự trị khu vực dân tộc* ở địa phương mình.

Bước sang thiên niên kỷ mới, ngày 11-5-2005, Hội nghị thường vụ lần thứ 89 của Quốc vụ viện đã thông qua *Một số quy định về thực hiện Luật tự trị khu vực dân tộc nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa* gồm 35 điều, nội dung chủ yếu là những biện pháp mới để phát triển xã hội, kinh tế của địa phương tự trị dân tộc. Ban hành văn kiện này có ý nghĩa quan trọng đối với việc duy trì và hoàn thiện chế độ tự trị khu vực dân tộc trong thời kỳ mới. *Luật tự trị khu vực dân tộc* là bộ luật quan trọng về dân tộc của Trung Quốc, là luật cơ bản nhằm hoạch định và thực hiện chính sách dân tộc theo con đường pháp chế hóa.

Nghiên cứu tại một số khu vực tụ cư tương đối nhỏ của các dân tộc thiểu số cho thấy, số lượng nhân khẩu tương đối ít và phân tán, không đủ điều kiện xây dựng địa phương tự trị. "Hiến pháp" biện pháp xây dựng thôn dân tộc đã tạo điều kiện cho các dân tộc có số lượng người tương đối ít cũng có quyền được làm chủ mình, quản lý công việc nội bộ dân tộc mình. Năm 1993, Chính phủ Trung Quốc ban bố *Điều lệ công tác hành chính thôn dân tộc*, bảo đảm cho việc thực hiện chế độ thôn dân tộc. Cho đến cuối năm 2003, các địa phương tụ cư của các dân tộc thiểu số ở Trung Quốc là các thôn dân tộc và tương đương là 1173 đơn vị [6].

Địa phương dân tộc tự trị ở Trung Quốc phân thành 3 cấp là khu tự trị, châu tự trị và huyện tự trị. Việc phân cấp hành chính này căn cứ vào diện tích lớn hay nhỏ của khu vực cư trú của các dân tộc thiểu số và số lượng nhiều ít của dân số hiện đang sinh sống. Các địa phương dân tộc tự trị đều là bộ phận lãnh thổ không thể tách rời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa. Cơ quan tự trị của địa phương tự trị dân tộc cần bảo vệ thống nhất quốc gia, bảo vệ hiến pháp và pháp luật trong việc tuân thủ và chấp hành chính sách của địa phương mình. Các cơ quan tự trị của địa phương tự trị dân tộc và cơ quan quốc gia cấp trên đều phải bảo đảm cho quan hệ dân tộc phát triển bình đẳng, đoàn kết và hỗ trợ lẫn nhau.

Các địa phương có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống, căn cứ vào quan hệ hiện tại giữa các dân tộc, căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế xã hội, tham khảo và

cân nhắc tình hình lịch sử, có thể lấy một dân tộc thiểu số làm cơ sở để xây dựng địa phương tự trị dân tộc, như Khu tự trị Tây Tạng, Châu tự trị dân tộc Di, Lương Sơn Tứ Xuyên, Huyện tự trị dân tộc Xa, Cảnh Ninh Chiết Giang ...; cũng có thể lấy một số dân tộc thiểu số tại địa phương tự trị làm cơ sở xây dựng, thí dụ như Châu tự trị dân tộc Tạng, dân tộc Mông Cổ, Hải Tây Thanh Hải, Huyện tự trị dân tộc Đông Hương, dân tộc Bảo An, dân tộc San Ra, Tích Thạch Sơn Cam Túc....

Trong một địa phương tự trị dân tộc có những khu vực do các dân tộc thiểu số khác sinh sống, có thể xây dựng thôn dân tộc hoặc địa phương dân tộc tương ứng, thí dụ như trong khu tự trị Duy Ngô Nhĩ Tân Cương có Châu tự trị dân tộc Ca dắc, Y Lê hoặc là có huyện tự trị dân tộc Hồi, Yên Kì... Các địa phương tự trị dân tộc căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương mình có thể có các thành phố, hương trấn bao gồm một bộ phận dân tộc Hán hoặc một khu cư dân của dân tộc khác.

Khu vực tụ cư của một dân tộc có thể ở nhiều nơi và mức độ lớn nhỏ khác nhau, vì vậy có thể xây dựng nhiều địa phương tự trị có vị trí hành chính khác nhau, ví dụ như đối với dân tộc Hồi ở toàn quốc có xây dựng Khu tự trị dân tộc Hồi Ninh Hạ đồng thời có Châu tự trị dân tộc Hồi Lâm Hạ Cam Túc, Huyện tự trị dân tộc Hồi Mạnh Thôn Hà Bắc... Rất nhiều địa phương tự trị dân tộc có vị trí hành chính khác nhau.

Tên gọi của địa phương tự trị dân tộc, ngoài tình hình đặc thù ra là sự tổ thành theo thứ tự: tên gọi vị trí hành chính, tên gọi dân tộc, tên gọi địa phương. Thí dụ như Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây, "vị trí hành chính" là "Khu tự trị"; "tên gọi dân tộc" là "dân tộc Choang"; tên gọi địa phương là "Quảng Tây".

Việc thành lập các địa phương tự trị dân tộc, việc phân chia ranh giới giữa các khu vực, quyết định về tên gọi các khu tự trị đều do cơ quan cấp trên của nhà nước và các cơ quan hữu quan ở địa phương cùng hiệp đồng thống nhất với cơ quan dân tộc hữu quan của Hội nghị hiệp thương, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc quyết định, dựa theo trình tự quy định của pháp luật làm tờ trình phê chuẩn. Việc thành lập hay xoá bỏ khu tự trị do Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc phê chuẩn. Việc phân chia ranh giới của khu tự trị, việc thành lập hay xoá cũng như phân chia ranh giới của châu tự trị, huyện tự trị do Quốc vụ viện phê chuẩn. Khi xây dựng các địa phương tự trị dân tộc, nếu chưa tuân theo trình tự phát luật, không thể xoá bỏ hoặc sát nhập; khi xác định ranh giới khu vực của địa phương tự trị dân tộc, nếu chưa tuân theo trình tự pháp luật, không thể tự động thay đổi. Như vậy, quá trình xoá bỏ hay sát nhập địa phương tự trị dân tộc hoặc thay đổi địa giới của các địa phương tự trị dân tộc đều do cơ quan tự trị dân tộc địa phương và các cơ quan hữu quan của nhà nước dự định và tiến hành hiệp thương đầy đủ theo trình tự pháp luật để trình báo phê chuẩn.

Đến cuối năm 2005, Trung Quốc có 155 địa phương tự trị dân tộc, trong đó có 5 khu tự trị, 30 châu tự trị, 120 huyện tự trị. Trong 155 địa phương tự trị này có 134 địa phương tự trị đã chế định

điều lệ tự trị; theo quy định của Hiến pháp và *Luật tự trị khu vực dân tộc*, các địa phương tự trị đã chế định 238 điều lệ đơn hành, đồng thời đã lập ra 65 quy định bổ sung liên quan đến luật pháp nhà nước. Những điều lệ trên là pháp quy hành chính về thực hiện chế độ tự trị dân tộc của các địa phương, phù hợp với tình hình thực tế của các địa phương tự trị dân tộc, đảm bảo chế độ tự trị khu vực dân tộc được thực hiện tốt tại các địa phương. Ngoài ra, Uỷ ban dân tộc Trung ương đã ban hành Điều lệ công tác hành chính của xã dân tộc và Điều lệ công tác dân tộc của thành thị từ những năm 90 thế kỷ XX. Theo thống kê chưa đầy đủ, từ năm 1979 đến nay, ngoài Hiến pháp, có 84 trong 90 bộ luật và quyết định liên quan đến luật pháp, bao gồm quy định về vấn đề dân tộc, liên quan đến lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội[7]. Hiện nay, Trung Quốc đã bước đầu hình thành một hệ thống pháp quy về tự trị khu vực dân tộc hoàn chỉnh. Quốc hội và Hội nghị Hiệp thương Chính trị Nhân dân có Hội đồng Dân tộc và Hội đồng Dân tộc và tôn giáo. Trách nhiệm của những cơ quan này là giám sát, kiểm tra việc thực hiện chính sách dân tộc, tham gia thẩm định các dự án pháp luật liên quan đến vấn đề dân tộc.

CHÚ THÍCH:

[1] Uỷ ban Dân tộc Trung ương, *50 năm công tác dân tộc Trung Quốc (1949-1999)*, Phần *Điều tra dân số năm 2000*, Nxb Dân tộc, 2001, tr 719-720, (tiếng Trung).

[2] Uỷ ban Dân tộc Trung ương, *50 năm công tác dân tộc Trung Quốc (1949-1999)*, Phần *Điều tra dân số năm 2000*, Nxb Dân tộc, 2001, tr. 719-720, (tiếng Trung).

[3] Cục công tác tôn giáo dân tộc, Uỷ ban mặt trận thống nhất Trung ương, *Thực tiễn và lý luận về 50 năm công tác dân tộc của Trung Quốc*, Nxb Đại học Dân tộc Trung ương, 1999, tr 19, (tiếng Trung).

[4] *Cơ sở chính sách lý luận dân tộc*, Nxb Dân tộc Quảng Tây, tr.112, (tiếng Trung).

[5] Uỷ ban Dân tộc Trung ương, *50 năm công tác dân tộc Trung Quốc (1949-1999)*, Phần *Điều tra dân số năm 2000*, Nxb Dân tộc, 2001, tr 719-720, (tiếng Trung).

[6] *Niên giám công tác dân tộc Trung Quốc* (2003), Nxb Dân tộc, tr. 698, (tiếng Trung).

[7] Uỷ ban thường vụ Quốc hội, *Luật pháp và pháp quy về tự trị khu vực dân tộc Trung Quốc*, Nxb Đại học dân tộc Trung ương, 2002, (tiếng Trung).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ong Chấp Nhất, *Về vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc trong cách mạng Trung Quốc*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1963.

2. Cục công tác tôn giáo dân tộc, Uỷ ban mặt trận thống nhất Trung ương, *Thực tiễn và lý luận về 50 năm công tác dân tộc của Trung Quốc*, Nxb Đại học Dân tộc Trung ương, 1999, tr 719-720, (tiếng Trung).

3. Thiên Lý Nguyên (chủ biên), *Đại toàn công tác dân tộc*, Nxb Kinh tế Trung Quốc, 1994 (tiếng Trung).

4. Uỷ ban Dân tộc Trung ương, *50 năm công tác dân tộc Trung Quốc (1949-1999*, Nxb Dân tộc, 2001, (tiếng Trung).

5. Uỷ ban Dân tộc Trung ương, *Tuyển tập văn kiện về công tác dân tộc (1990-2002)*, Nxb Văn hiến Trung ương, 2003, (tiếng Trung).